CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - P. An Khê - Q. Thanh Khê - TP. Đà Nẵng

Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * Điện Thoại: 0236.654.8449

ĐK: 386

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 2396E.25/ĐLMT

Tên đối tượng: *Cân đĩa*
Object:

Kiểu: *Điện tử (Model: BC 30)*
Type:

Số: *8025420025*
Serial No:

Nơi sản xuất: *OHAUS – USA*
Manufacturer:

Năm: *N/A*
Year:

Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications:

- *Max = 30 kg; min = 20 g*
- *Vạch chia: d = 1 g*
- *Cấp chính xác: III*

Đơn vị sử dụng: ***CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN KON TUM***
User :

Địa chỉ: *232 Trần Khánh Dư, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 15.2/2018*
Method of verification:

Thiết bị sử dụng : *Bộ quả cân chuẩn cấp chính xác F_1*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
Result:

Số tem: *HC-22006*
Stamp N°:

Thời hạn đến (nếu có): (*) *Ngày 30 tháng 06 năm 2026*
Valid until:

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 06 năm 2025
Date of issue

Người thực hiện *Implementer*	**Giám Đốc** *Director*
Mai Tấn Hùng	**Nguyễn Thành Tân**

M.S.D.N: 0401937142 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number N⁰:* 2396E.25/ĐLMT

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

TT	Khối lượng quả cân (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo (g)	Độ lệch (g)	Ghi chú
1	500	500	0	Với độ tin cậy P = 95%, hệ số phủ k = 2
2	1000	1000	0	
3	5000	5000	0	
4	10000	10000	0	
5	15000	15000	0	
6	30000	29999	1	

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (68) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác *(This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).*
- Phương tiên đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 *(This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)*

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - P. An Khê - Q. Thanh Khê - TP. Đà Nẵng

Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * Điện Thoại: 0236.654.8449

ĐK: 386

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 2399E.25/ĐLMT

Tên đối tượng: *Kích thuỷ lực*
Object:

Kiểu: *Nén áp suất*
Type:

Số: *503*
Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*
Manufacturer:

Năm: *N/A*
Year:

Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications:

- *Phạm vi đo lực: Đến 32 tấn*
- *Đồng hồ áp suất: (0 ÷ 600) kg/cm²*
- *Giá trị vạch chia đồng hồ: 10 kg/cm²*

Đơn vị sử dụng: ***CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN KON TUM***
User :

Địa chỉ: *232 Trần Khánh Dư, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 108: 2002*
Method of verification:

Thiết bị sử dụng : *Lực kế chuẩn 300 kN; U= 0,05% (k=2,P=95%)*
Standards used: *(Chuẩn được liên kết chuẩn Viện đo lường VN – VMI)*

Kết quả: *Xem trang sau*
Result:

Số tem: *Trên kích: HC-22004; Trên đồng hồ áp : HC-22005*
Stamp N°:

Thời hạn đến (nếu có): (*) *Ngày 30 tháng 06 năm 2026*
Valid until:

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 06 năm 2025
Date of issue

Người thực hiện
Implementer

Mai Tấn Hùng

Giám Đốc
Director

M.S.D.N: 0401937142 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Nguyễn Thành Tân

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number N⁰*: 2390E.25/ELMIT

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

Giá trị đọc trên phương tiện đo(kg/cm²)	Giá trị đọc trên phương tiện chuẩn (kN)	Độ KĐBĐ mở rộng k=2; P=95%
50	18,676	0,94
100	43,457	0,58
150	68,971	0,74
200	95,706	0,67
250	124,462	0,69
300	148,173	0,75
350	174,357	0,89
400	202,273	0,76
450	228,564	0,87
500	254,586	0,76
550	279,184	0,95

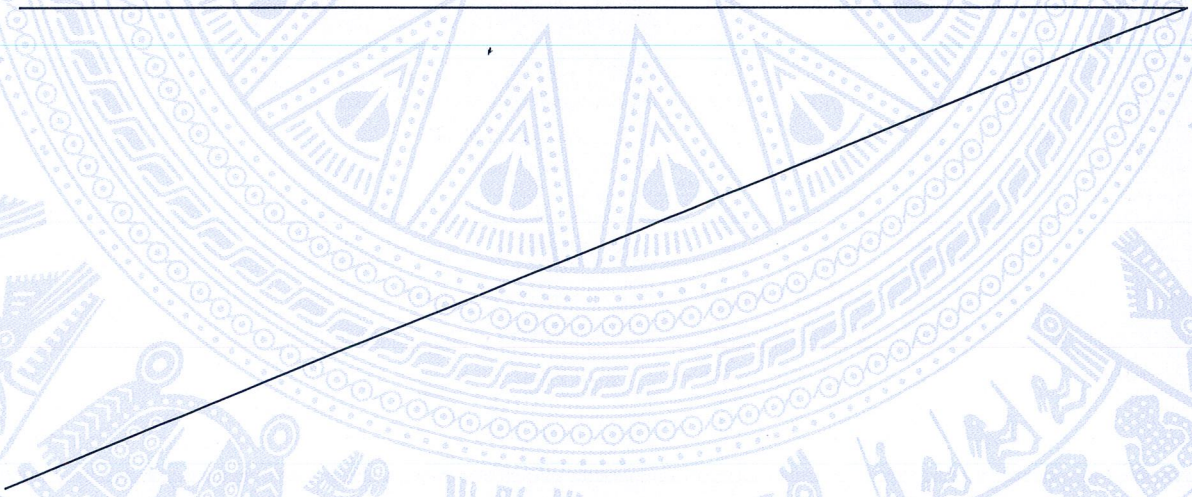
Phương trình hiệu chuẩn: $y = 0,5252x - 8,6281$

Trong đó: y là giá trị tính toán, kN

x là giá trị đọc trên phương tiện đo (kg/cm²)

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (68) %RH



- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác *(This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).*
- Phương tiên đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 *(This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)*

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - P. An Khê - Q. Thanh Khê - TP. Đà Nẵng
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * Điện Thoại: 0236.654.8449

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 2401E.25/ĐLMT

Tên đối tượng: *Máy nén đất tam liên (Máy nén không nở hông)*
Object:

Kiểu: *WG* Số: *22068*
Type: *Serial No:*

Nơi sản xuất: *Trung Quốc* Năm: *N/A*
Manufacturer: *Year:*

Đặc trưng kỹ thuật đo lường: *Áp suất tối đa: 1600 kPa*
Specifications: *Tỷ lệ đòn danh nghĩa: 1/12*
Diện tích khuôn mẫu: 30 cm^2 và 50 cm^2

Đơn vị sử dụng: ***CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN KON TUM***
User :

Địa chỉ: *232 Trần Khánh Dư, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 108: 2002*
Method of calibration:

Thiết bị sử dụng: *Lực kế chuẩn 100 kN; U= 0,05% (k=2,P=95%)*
Standards used: *(Chuẩn được liên kết chuẩn Viện đo lường VN – VMI)*

Kết quả: *Xem trang sau*
Result:

Số tem: *HC-22010*
Stamp N°:

Thời hạn đến (nếu có): (*) *Ngày 30 tháng 06 năm 2026*
Valid until:

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 06 năm 2025
Date of issue

Người thực hiện
Implementer

Mai Tấn Hùng

Giám Đốc
Director

M.S.D.N: 0401937142 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Nguyễn Thành Tân

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CNHC/ *Enclose the result sheet with number N°: 2401E.25/ĐL.MT*

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

Khối lượng các quả cân (kg)	Lực tính toán đo được theo từng dàn (KPa)		
	Dàn số 1	Dàn số 2	Dàn số 3
Tiết diện dao vòng 30 cm^2			
0,0	0,0	0,0	0,0
0,319	12,6	12,5	12,5
0,638	49,4	49,7	49,5
1,275	98,8	101,7	102,3
2,55	200,4	197,6	199,8
2,55	298,7	301,4	301,5
2,55	402,6	400,9	397,7
5,1	798,3	801,6	802,4
5,1	1599,5	1602,7	1601,3
Tiết diện dao vòng 50 cm^2			
0,0	0,0	0,0	0,0
0,319	12,7	12,8	12,6
0,638	48,7	49,4	52,5
1,275	101,8	99,7	100,7
2,55	198,6	201,7	200,6
2,55	300,4	301,5	299,8
2,55	399,6	398,9	400,7
5,1	801,8	799,5	800,7

(*) Thứ tự dàn tính từ trái qua phải

Với độ không đảm bảo đo tổng: U = 0,8 %, độ tin cậy: P = 95%, hệ số phủ: k = 2

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (67) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác *(This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).*
- Phương tiên đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 *(This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)*

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - P. An Khê - Q. Thanh Khê - TP. Đà Nẵng

Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * Điện Thoại: 0236.654.8449

ĐK: 386

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 2402E.25/ĐLMT

Tên đối tượng: *Phương tiện đo lực (Vòng lực máy cắt phẳng)*
Object:

Kiểu: *Cơ, nén vòng* Số: *96382*
Type: *Serial No:*

Nơi sản xuất: *Trung Quốc* Năm: *N/A*
Manufacturer: *Year:*

Đặc trưng kỹ thuật: - *Phạm vi đo: (0 ÷ 1,5) kN*
Specifications: - *Đồng hồ so: từ 0 ÷ 10 mm*
- *Giá trị vạch chia đồng hồ so: 0,01 mm*

Đơn vị sử dụng: ***CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN KON TUM***
User :

Địa chỉ: *232 Trần Khánh Dư, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 108: 2002*
Method of verification:

Thiết bị sử dụng : *Lực kế chuẩn 100 kN; U= 0,05% (k=2,P=95%)*
Standards used: *(Chuẩn được liên kết chuẩn Viện đo lường VN – VMI)*

Kết quả: *Xem trang sau*
Result:

Số tem: *Trên vòng lực: HC-22011; Trên đồng hồ so: HC-22012*
Stamp N°:

Thời hạn đến (nếu có): (*) *Ngày 30 tháng 06 năm 2026*
Valid until:

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 06 năm 2025
Date of issue

Người thực hiện
Implementer

Mai Tấn Hùng

Giám Đốc
Director

M.S.D.N: 0401937142 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Nguyễn Thành Tân

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number N⁰*: 2402E.25/ĐLM.T

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

Giá trị đọc trên phương tiện đo (vạch/mm)	Giá trị đọc trên phương tiện chuẩn (kN)	Độ KĐBĐ mở rộng k=2; P=95%
25	0,155	0,63
50	0,314	0,45
75	0,471	0,64
100	0,624	0,84
125	0,773	0,73
150	0,919	0,54
175	1,078	0,67
200	1,224	0,82
225	1,389	0,47

Phương trình hiệu chuẩn: $y = 0,0061x + 0,0073$

Trong đó: y *là giá trị tính toán, kN*

x *là giá trị đọc trên phương tiện đo (vạch/mm)*

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (67) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác *(This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).*
- Phương tiên đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 *(This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)*

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

ĐK: 386

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - P. An Khê - Q. Thanh Khê - TP. Đà Nẵng
Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * Điện Thoại: 0236.654.8449

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 2398E.25/ĐLMT

Tên đối tượng: *Cân kỹ thuật*
Object:

Kiểu: *Điện tử (Model: DJ – 4000TW)* Số: *512624214*
Type: *Serial No:*

Nơi sản xuất: *Nhật Bản* Năm: *N/A*
Manufacturer: *Year:*

Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications:
- *Max = 4 000 g; min = 0,2 g*
- *Vạch chia: d = 0,01 g*
- *Cấp chính xác: II*

Đơn vị sử dụng: ***CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN KON TUM***
User :

Địa chỉ: *232 Trần Khánh Dư, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 16.2/2018*
Method of verification:

Thiết bị sử dụng : *Bộ quả cân chuẩn cấp chính xác F_1*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
Result:

Số tem: *HC-22008*
Stamp N°:

Thời hạn đến (nếu có): (*) *Ngày 30 tháng 06 năm 2026*
Valid until:

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 06 năm 2025
Date of issue

Người thực hiện
Implementer

Mai Tấn Hùng

Giám Đốc
Director

M.S.D.N: 0401937142 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Nguyễn Thành Tân

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

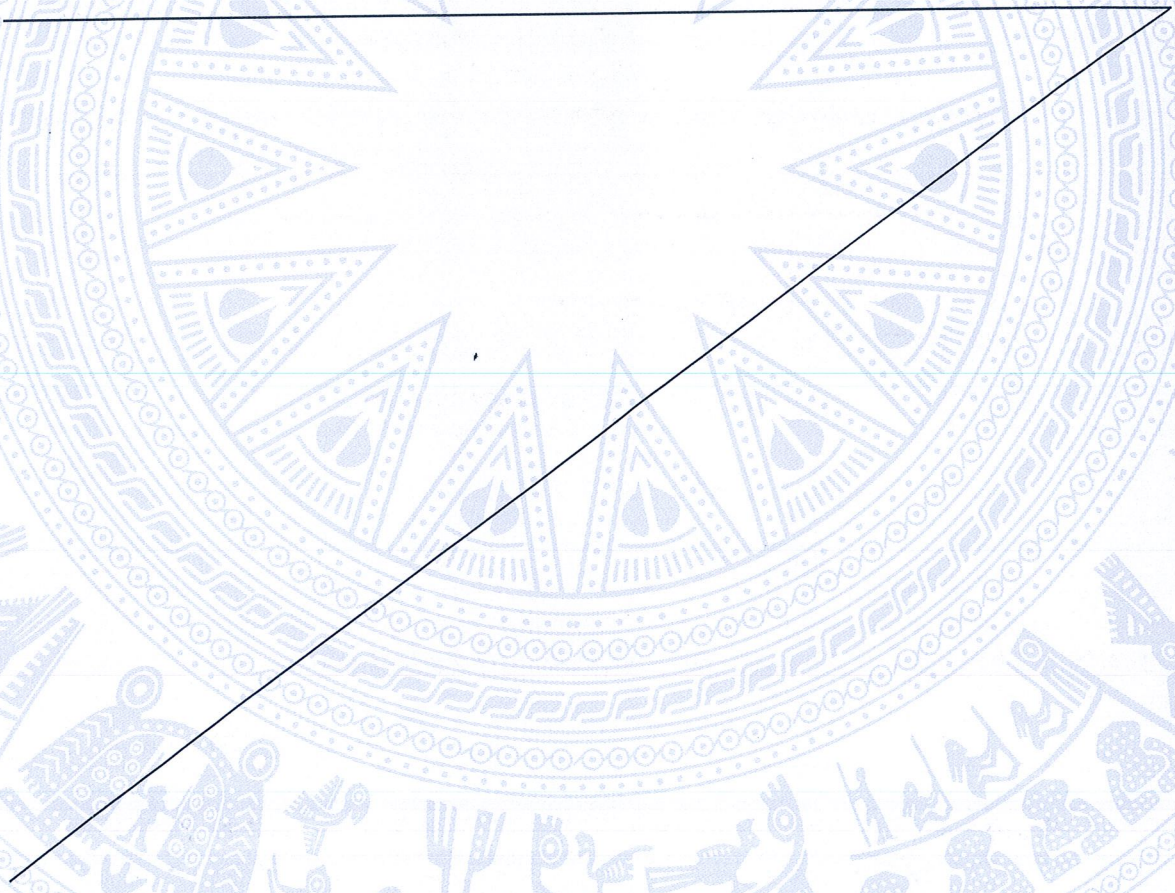
Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number N⁰*: 2398E.25/DLMT

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

TT	Khối lượng quả cân (g)	Giá trị đọc trên phương tiện đo (g)	Độ lệch (g)	Ghi chú
1	50	50,00	0,00	Với độ tin cậy P = 95%, hệ số phủ k = 2
2	100	100,00	0,00	
3	500	500,00	0,00	
4	1000	1000,00	0,00	
5	2000	2000,01	0,01	
6	4000	4000,01	0,01	

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (67) %RH



- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác *(This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment. law and in other official activities).*
- Phương tiên đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 *(This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)*

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - P. An Khê - Q. Thanh Khê - TP. Đà Nẵng

Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * Điện Thoại: 0236.654.8449

ĐK: 386

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số: 2397E.25/ĐLMT

Tên đối tượng: *Cần đo Benkelman*
Object:

Kiểu: *Tỉ lệ (Model:N/A)*
Type:

Số: *2070104*
Serial No:

Nơi sản xuất: *Việt Nam*
Manufacturer:

Năm: *N/A*
Year:

Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications:

- *Tỉ lệ tay đòn: (2/1)*
- *Phạm vi đồng hồ so: (0÷10) mm*
- *Vạch chia: 0,01 mm*

Đơn vị sử dụng: ***CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN KON TUM***
User :

Địa chỉ: *232 Trần Khánh Dư, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLMT 05.2/2018*
Method of verification:

Thiết bị sử dụng : *Bộ căn mẫu cấp 1, thước vạch*
Standards used:

Kết quả: *Xem trang sau*
Result:

Số tem: *HC-22007*
Stamp N°:

Thời hạn đến (nếu có): (*) *Ngày 30 tháng 06 năm 2026*
Valid until:

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 06 năm 2025
Date of issue

Người thực hiện *Implementer*	**Giám Đốc** *Director*
Mai Tấn Hùng	**Nguyễn Thành Tân**

M.S.D.N: 0401937142 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

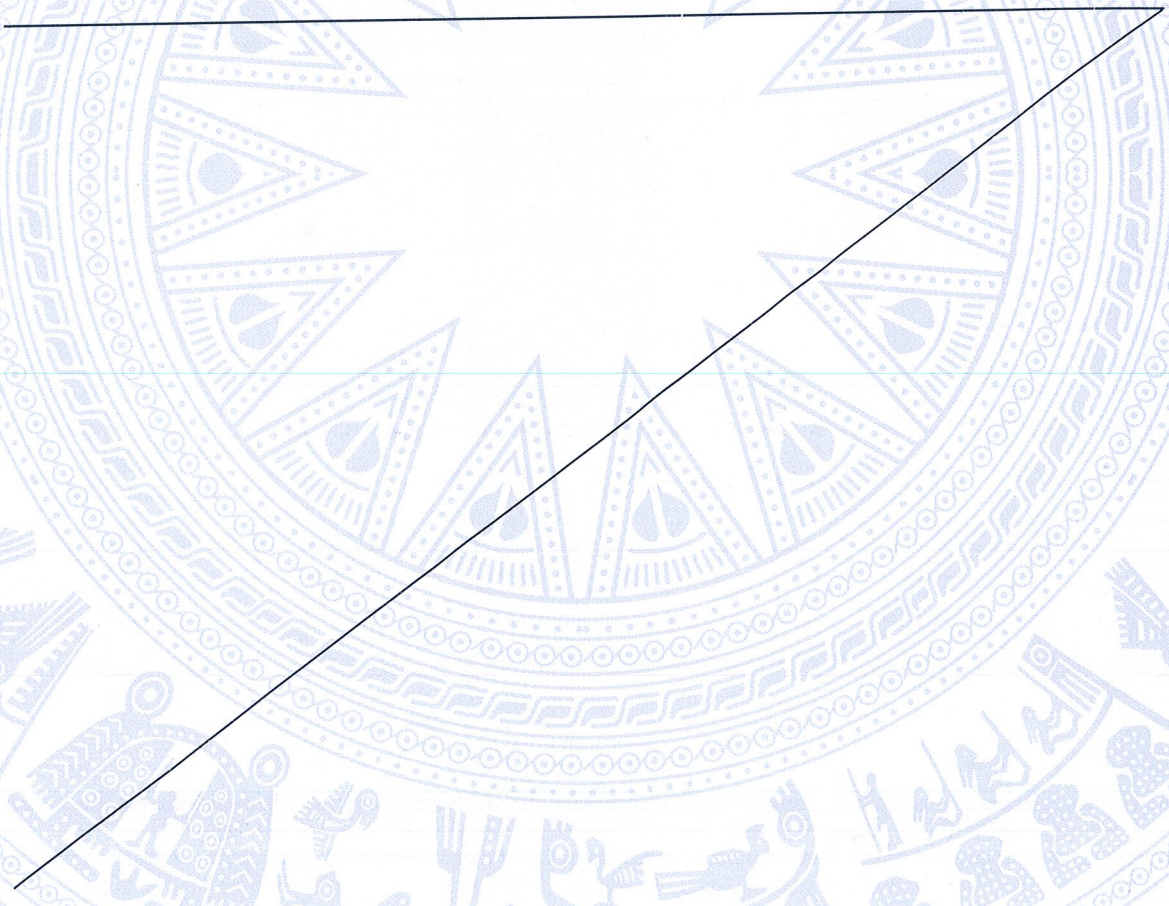
Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number N⁰*: 2397E.25/ĐLMT

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*:

Căn mẫu (mm)	Giá trị chỉ thị đồng hồ so (mm)
1,00	0,50
2,00	1,01
3,00	1,50
4,00	2,00
6,00	3,01
8,00	3,98
10,00	4,98

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (68) %RH



- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác *(This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).*
- Phương tiên đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 *(This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)*

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 223/32 Trường Chinh - P. An Khê - Q. Thanh Khê - TP. Đà Nẵng

Email: kiemdinhmientrung1@gmail.com * Điện Thoại: 0236.654.8449

ĐK: 386

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số:2400E.25/ĐLMT

Tên đối tượng: *Máy thử độ bền nén*
Object:

Kiểu: *Cơ (Model: TYE – 2000)*
Type:

Số: *004*
Serial No:

Nơi sản xuất: *Trung Quốc*
Manufacturer:

Năm: *10/2006*
Year:

Đặc trưng kỹ thuật:
Specifications:
- *Phạm vi đo: (0 ÷ 800) kN; (0 ÷ 2000) kN*
- *Giá trị vạch chia: 2,5 kN ; 5 kN*

Đơn vị sử dụng: ***CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN KON TUM***
User :

Địa chỉ: *232 Trần Khánh Dư, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum*
Add:

Phương pháp thực hiện: *ĐLVN 109:2002*
Method of verification:

Thiết bị sử dụng : *Lực kế chuẩn 3000 kN; U= 0,05% (k=2,P=95%)*
Standards used: *(Chuẩn được liên kết chuẩn Viện đo lường VN - VMI)*

Kết quả: *Xem trang sau*
Result:

Số tem: *HC-22009*
Stamp N°:

Thời hạn đến (nếu có): (*) *Ngày 30 tháng 06 năm 2026*
Valid until:

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 06 năm 2025
Date of issue

Người thực hiện
Implementer

Mai Tấn Hùng

Giám Đốc
Director

M.S.D.N: 0401937142 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN TRUNG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Nguyễn Thành Tân

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Kèm theo giấy CN số/ *Enclose the result sheet with number N⁰*: 2400E.25/DLMT

Đặc trưng kỹ thuật và kết quả/ *Technical specifications and results*

Giá trị đọc trên phương tiện đo (kN)	Giá trị đọc trên phương tiện chuẩn (kN)	Độ lệch (kN)	Độ KĐBĐ mở rộng: k=2; P = 95%
Phạm vi đo: (0 ÷ 800) kN			
100	99,6	0,4	0,75
200	198,6	1,4	0,54
300	298,7	1,3	0,43
400	398,6	1,4	0,66
500	498,8	1,2	0,47
600	597,7	2,3	0,56
700	697,5	2,5	0,64
800	797,4	2,6	0,65
Phương trình hiệu chuẩn: y = 0,997x - 0,3536			
Phạm vi đo: (0 ÷ 2000) kN			
200	198,8	1,2	0,42
400	398,5	1,5	0,56
600	598,5	1,5	0,48
800	797,7	2,3	0,45
1000	997,5	2,5	0,42
1200	1197,4	2,6	0,69
1400	1397,3	2,7	0,42
1600	1597,1	2,9	0,34
1800	1797,1	2,9	0,76
Phương trình hiệu chuẩn: y = 0,9989x - 1,0917			

Trong đó: y là giá trị Chuẩn, kN

x là giá trị đọc trên phương tiện đo kN

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ/ *Temperature*: (28) °C

Environmental conditions: Độ ẩm/ *Relative humidity*: (68) %RH

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác *(This measuring instrument is not used to quantify goods and services in purchase and sale, payment, safety assurance, public health protection, environmental protection, inspection, inspection and private assessment, law and in other official activities).*
- Phương tiên đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 *(This measuring instrument is not directly used to verify the measuring instrument of group 2)*

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản **Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Kiểm Định Hiệu Chuẩn Đo Lường Miền Trung**